CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư ICAPITAL

Ngày 30/09/2025	7,810 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.6%	**36.5%**	**39.0%**

DT thuần
Q3/25
0.02
tỷ VNĐ

LN thuần
Q3/25
37.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 44.0| 725%
YoY: ▲ 32.4| 594%

LN sau thuế
Q3/25
32.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 25.6| 354%
YoY: ▲ 27.4| 502%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
252749
YoY: +/-▲ 204390%

ROE (TTM)
Q3/25
11.9%
YoY: +/-▲ 6.6%

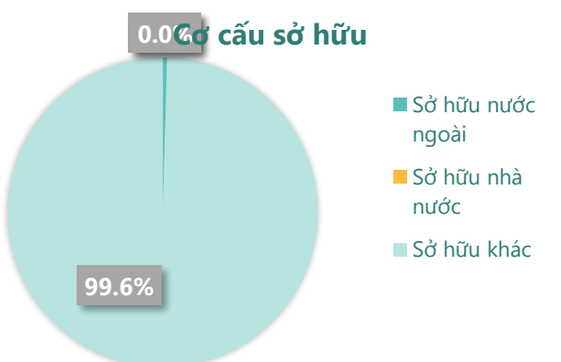
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,100 - 8,580
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	251
Số lượng CPLH (CP)	32,191,624
KLGD BQ 20 phiên (CP)	84,220
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.54
EPS	1,476
P/E	5.3

DT thuần
9T 2025
0.05
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.03| 87.6%

LN thuần
9T 2025
32.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.9| 111%

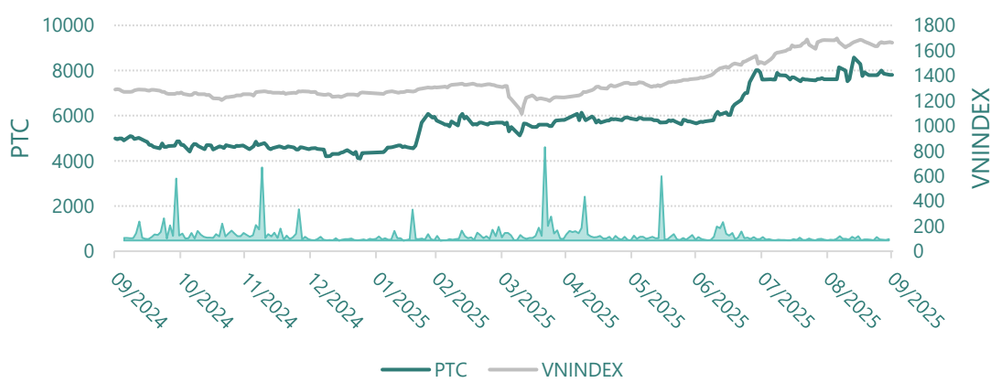
LN sau thuế
9T 2025
44.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 28.2| 174%

Cơ cấu sở hữu

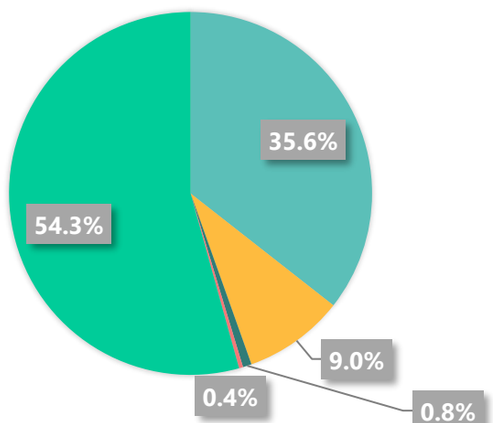


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



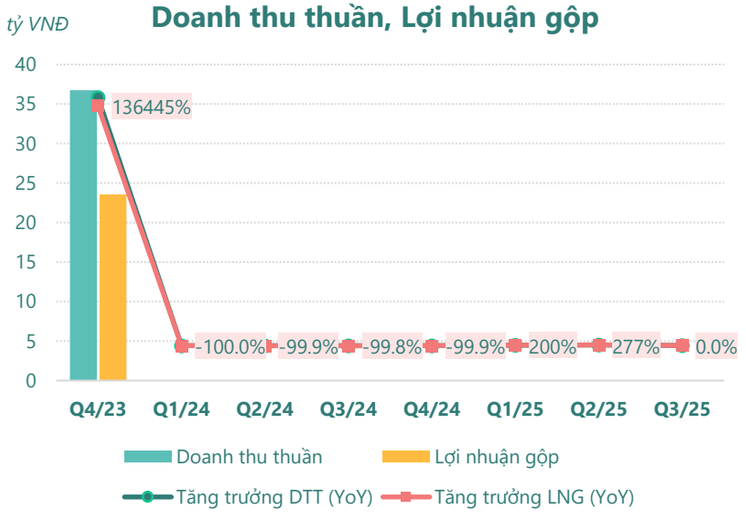
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

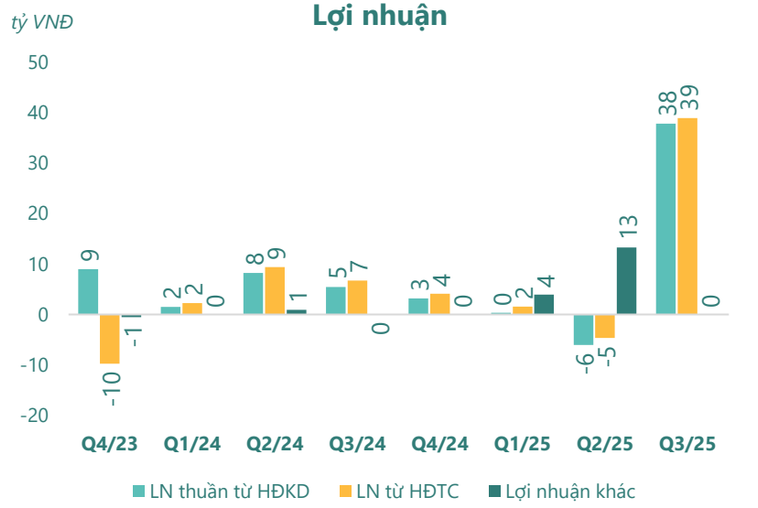
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



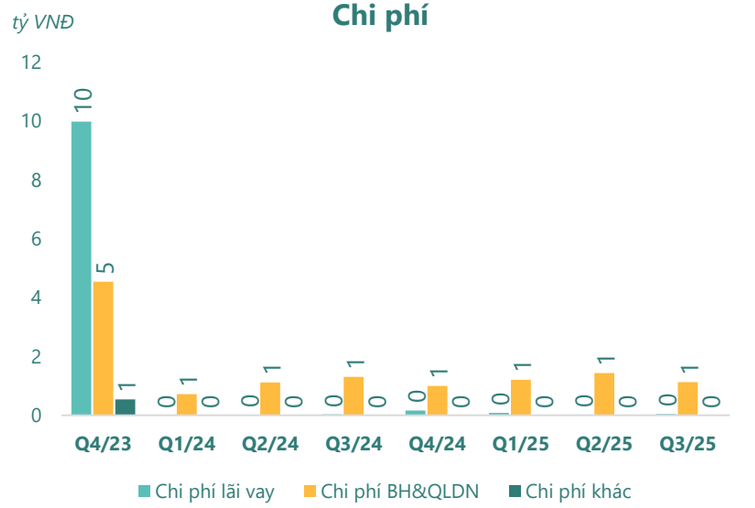
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



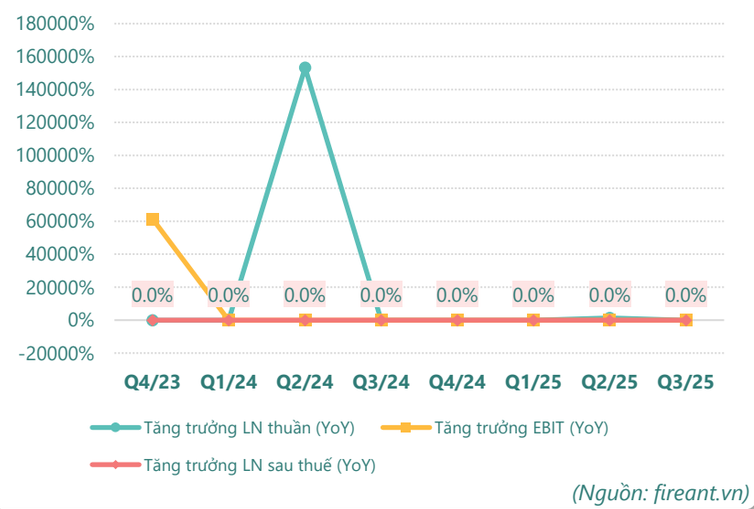
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



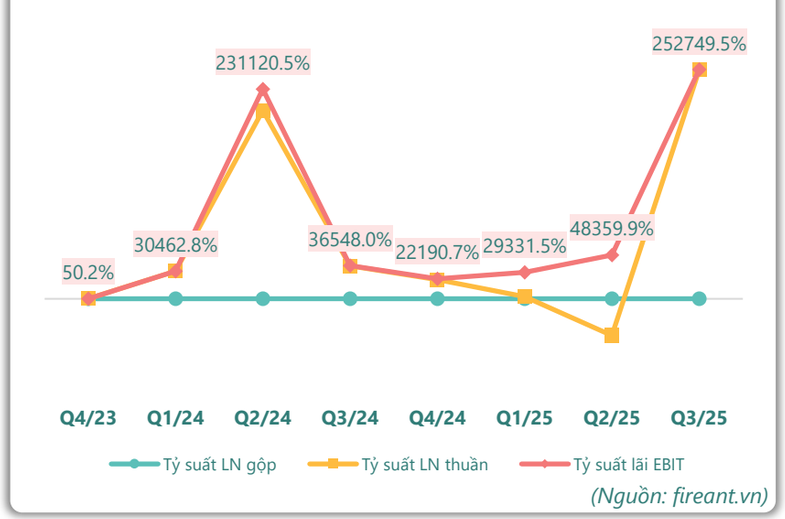
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



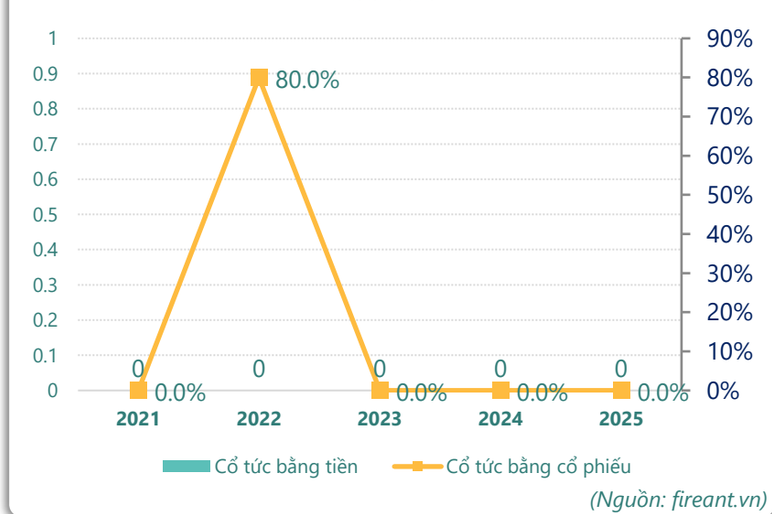
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



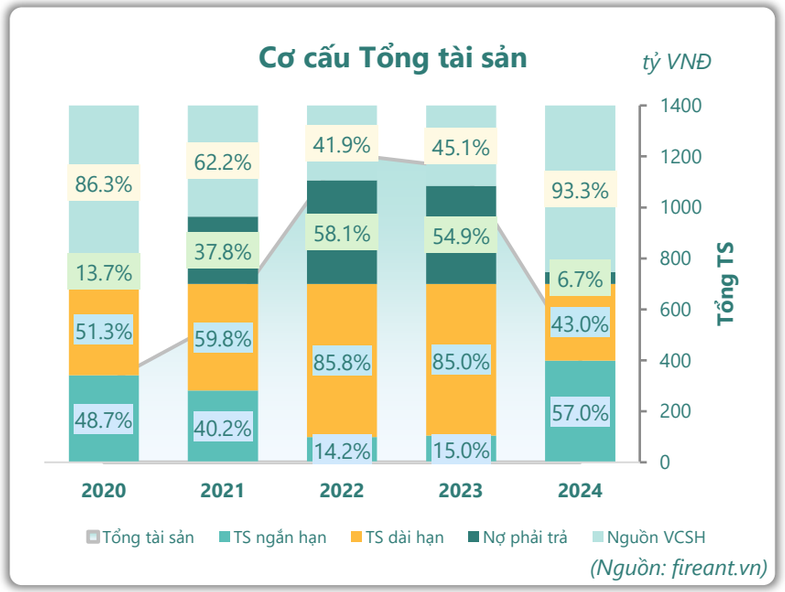
(Nguồn: fireant.vn)

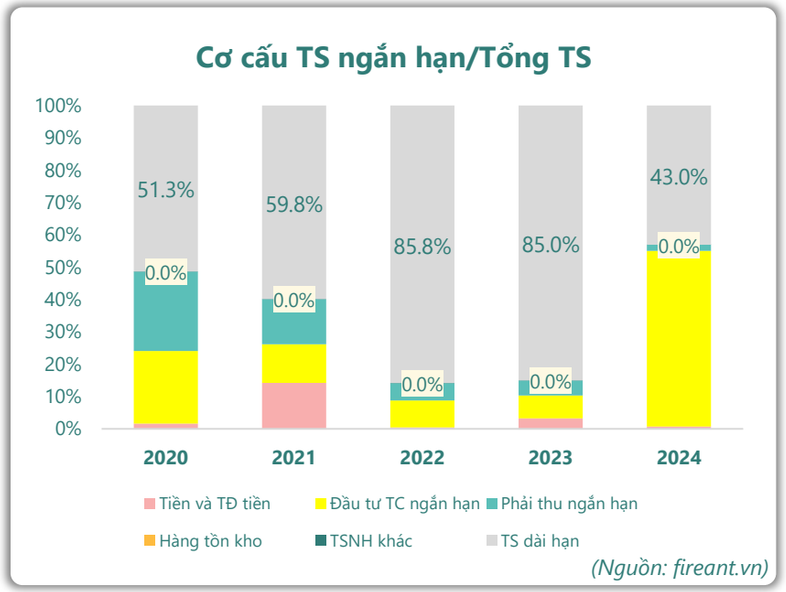
Cổ tức

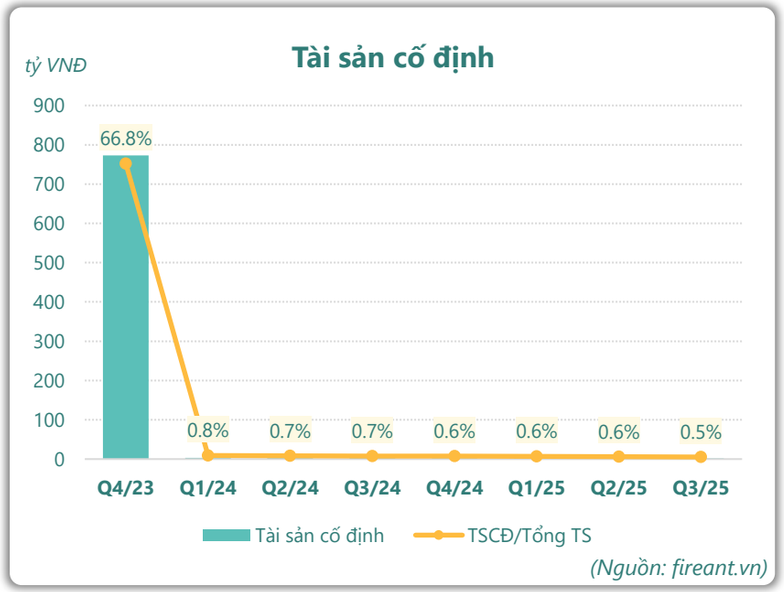


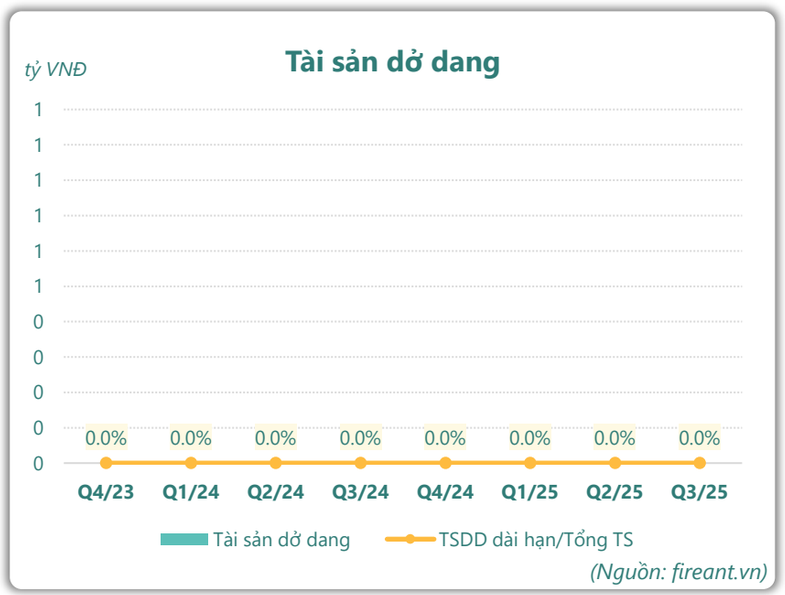
(Nguồn: fireant.vn)

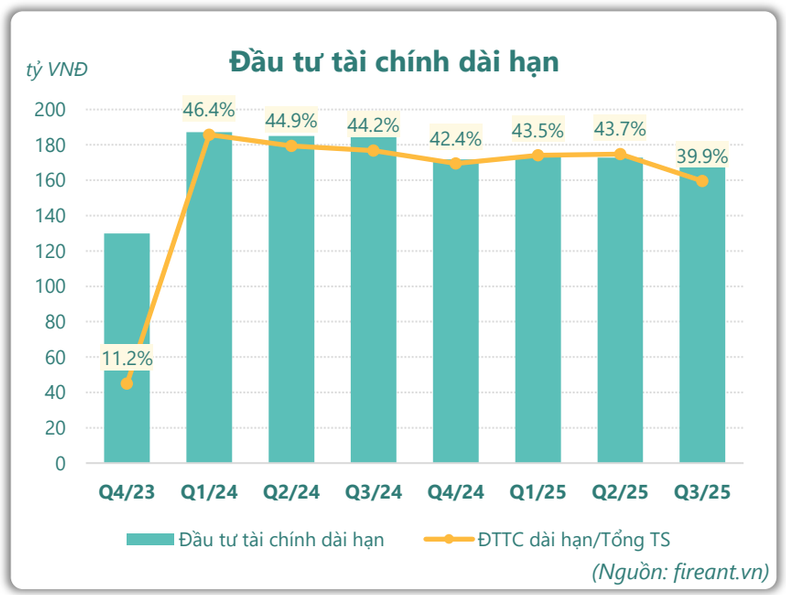
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

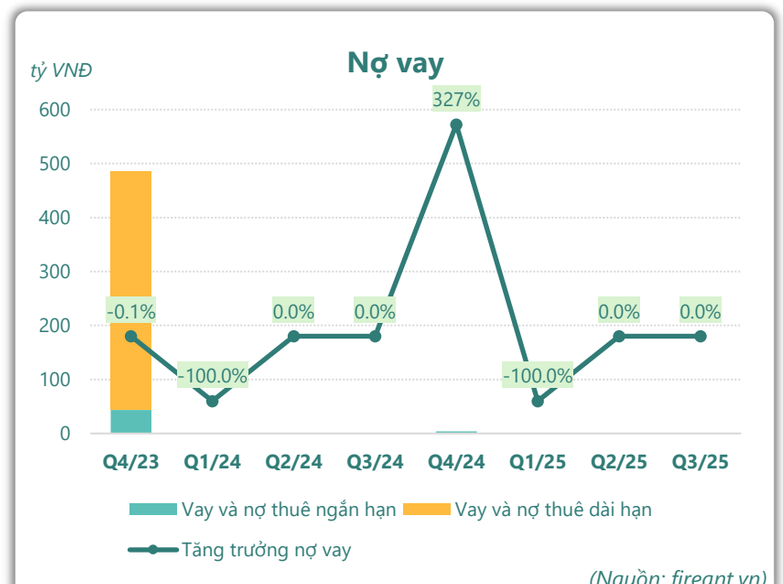






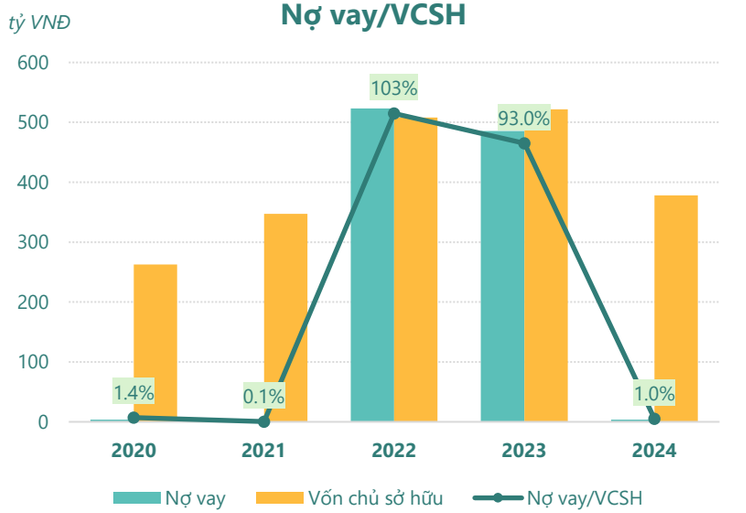






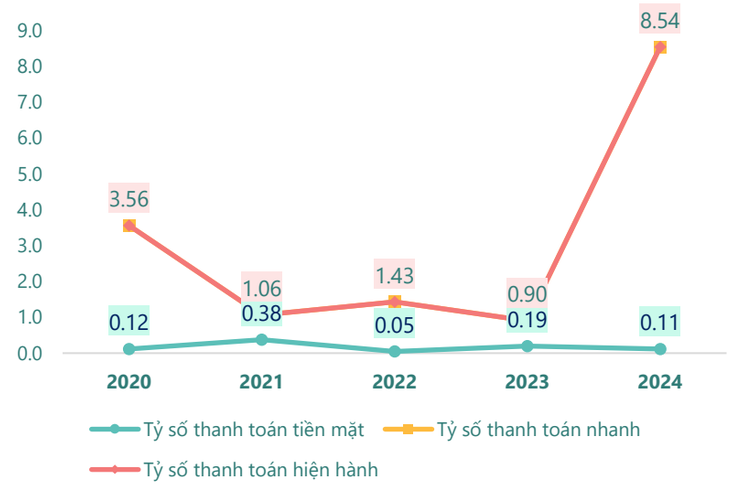
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



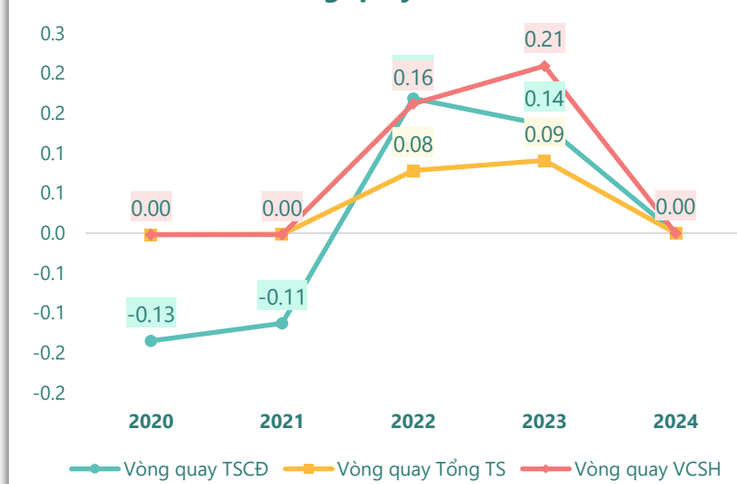
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



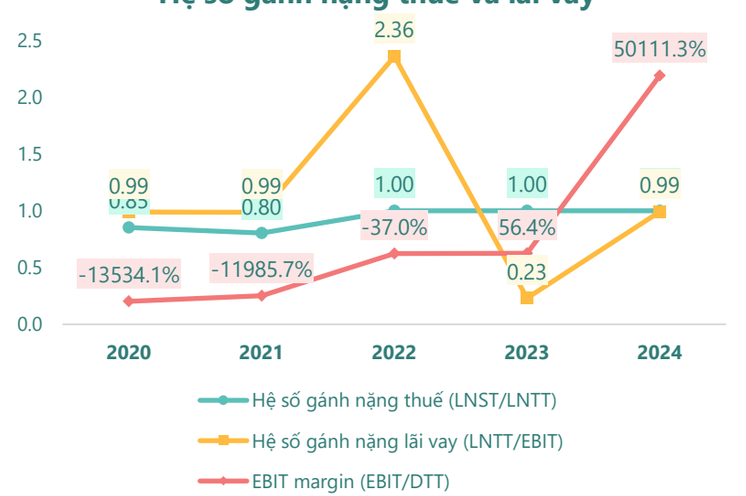
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



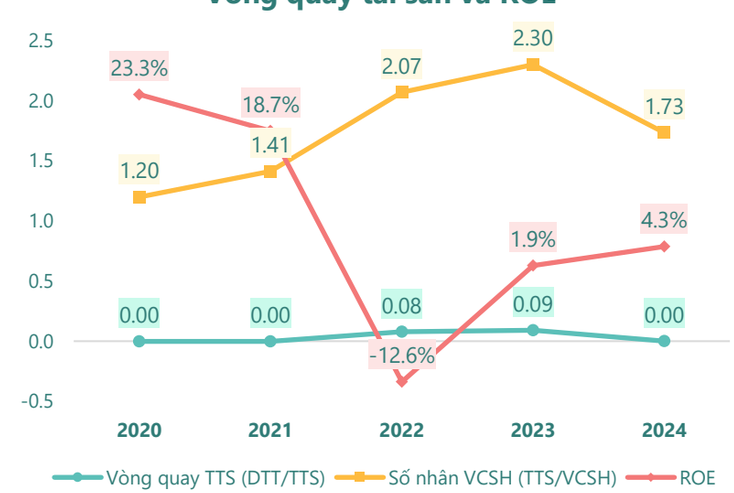
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



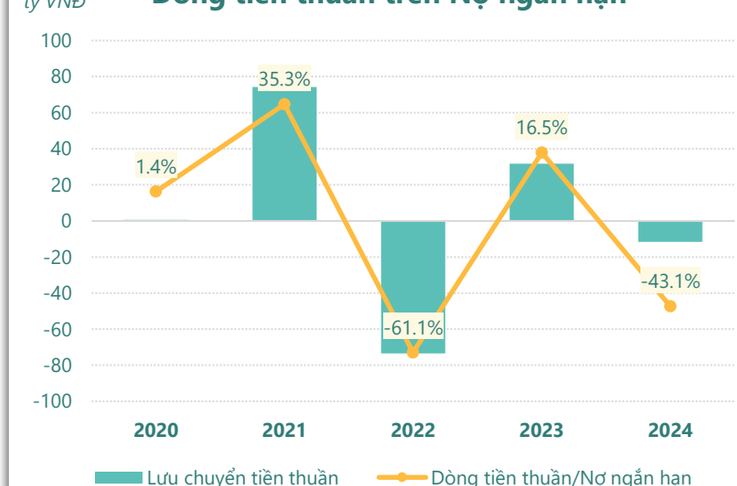
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.02**	**0.02**	**-25.0%**	**0.05**	**0.02**	**87.6%**
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0	0	
Lợi nhuận gộp	0.02	0.02	-25.0%	0.05	0.02	87.6%
Doanh thu HĐTC	30.5	7.39	312%	57.6	22.3	158%
Chi phí TC	-8.50	0.63	-1450%	21.8	3.92	455%
Chi phí lãi vay	0.04	0.03	46.4%	0.15	0.04	273%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.12**	**1.31**	**-14.2%**	**3.77**	**3.15**	**19.6%**
LN thuần từ HĐKD	37.9	5.46	594%	32.2	15.3	111%
Lợi nhuận khác	**0**	**-0.01**	**100%**	**17.3**	**0.92**	**1785%**
LN trước thuế	37.9	5.45	595%	49.4	16.2	206%
Lợi nhuận sau thuế	**32.8**	**5.45**	**502%**	**44.4**	**16.2**	**174%**
LNST của CĐ cty mẹ	**32.8**	**5.45**	**502%**	**44.4**	**16.2**	**174%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.46	-54.6	36.7	6.64	8.21	-17.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-10.3	3.35	2.75	1.54	-0.62	9.80
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	43.8	-40.1	-3.77	0	0
Tiền đầu kỳ	19.0	11.1	3.69	3.07	7.48	15.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.87**	**-7.40**	**-0.62**	**4.41**	**7.59**	**-7.86**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.1	3.69	3.07	7.48	15.1	7.20

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**433**	**405**	**6.9%**
Tài sản ngắn hạn	258	231	11.9%
Tiền và tương đương tiền	7.20	3.07	135%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	249	220	13.2%
Phải thu ngắn hạn	1.71	7.57	-77.4%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.39	0.31	27.6%
Tài sản dài hạn	**175**	**174**	**0.2%**
Phải thu dài hạn	0	0.06	-100%
Tài sản cố định	2.05	2.63	-22.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	173	172	0.6%
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.01**	**-22.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10.5	27.0	-61.1%
Nợ ngắn hạn	**10.5**	**27.0**	**-61.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	3.77	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.41	0.43	-4.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**423**	**378**	**11.7%**
Vốn chủ sở hữu	**423**	**378**	**11.7%**
Vốn điều lệ	323	323	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)